CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Tập đoàn Xây dựng TRACODI

Ngày 30/09/2024	5,180 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	-	-

DT thuần
Q3/24
213
tỷ VNĐ
QoQ: ▼231| -52.0%
YoY: ▼141| -39.8%

LN thuần
Q3/24
28.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00| 26.8%
YoY: ▼41.7| -59.7%

LN sau thuế
Q3/24
21.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00| -8.6%
YoY: ▼36.3| -62.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
36.2%
YoY: +/-▲ 12.8%

ROE (TTM)
Q3/24
1.1%
YoY: +/-▼ 1.0%

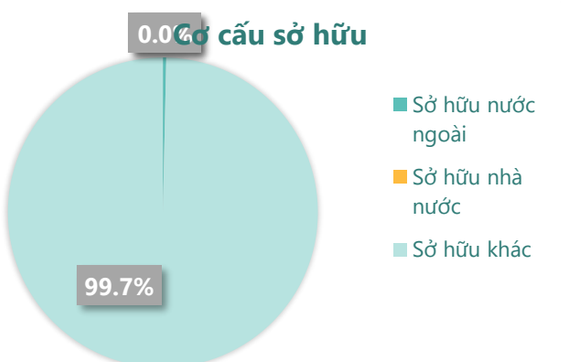
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,990 - 7,744
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,740
Số lượng CPLH (CP)	335,820,641
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,788,974
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.90
EPS	125
P/E	41.4

DT thuần
9T 2024
898
tỷ VNĐ
YoY: ▼261| -22.5%

LN thuần
9T 2024
86.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼95.0| -52.4%

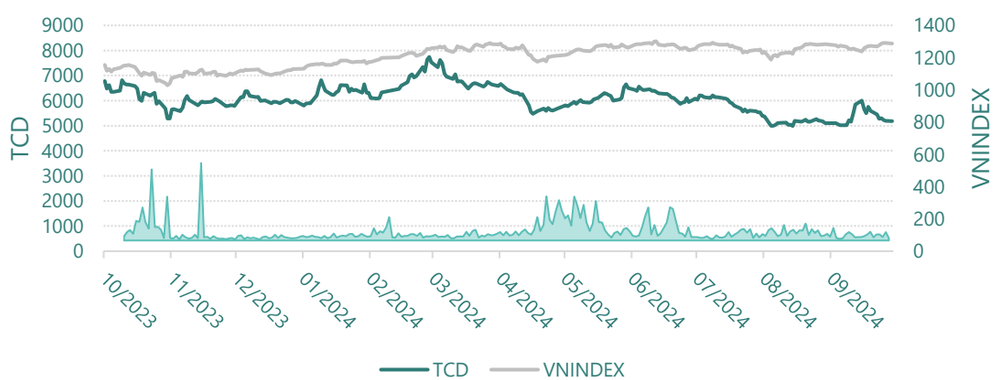
LN sau thuế
9T 2024
76.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼69.9| -48.0%

Cơ cấu sở hữu

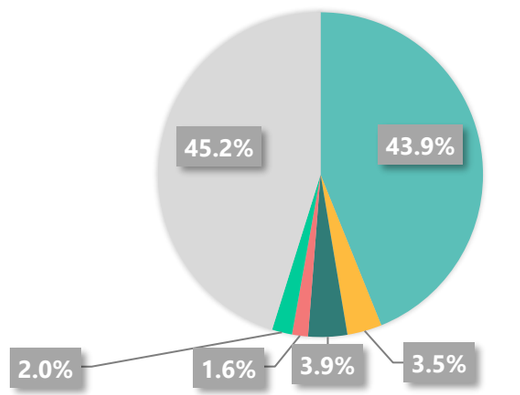


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



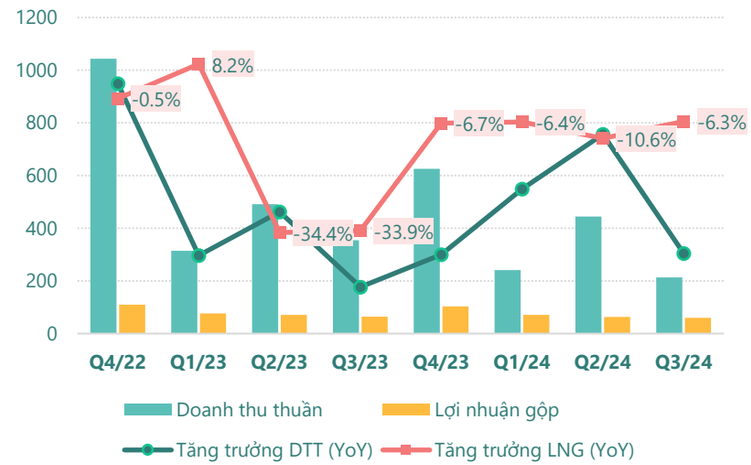
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

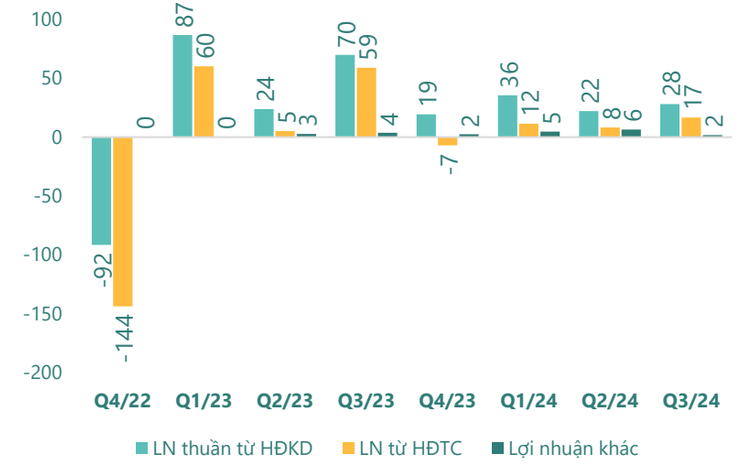
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



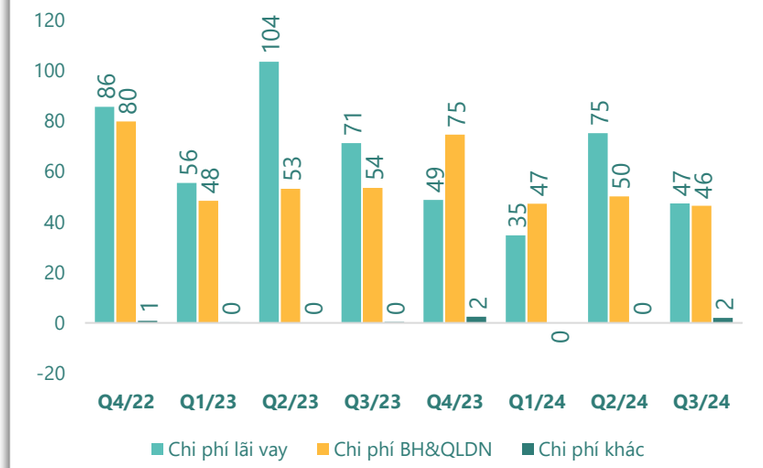
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



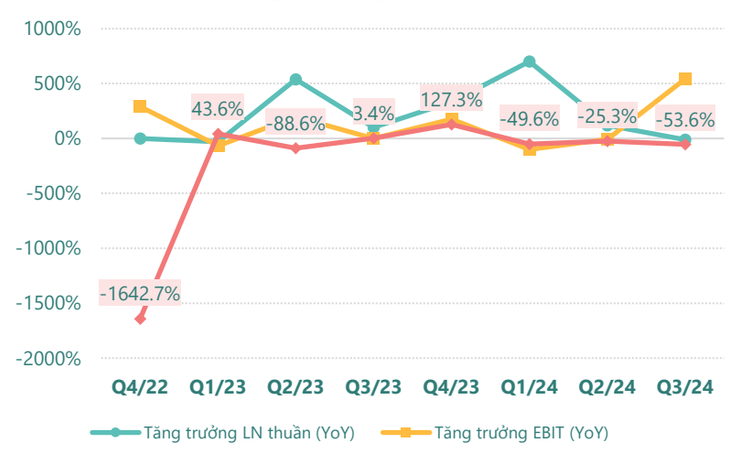
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



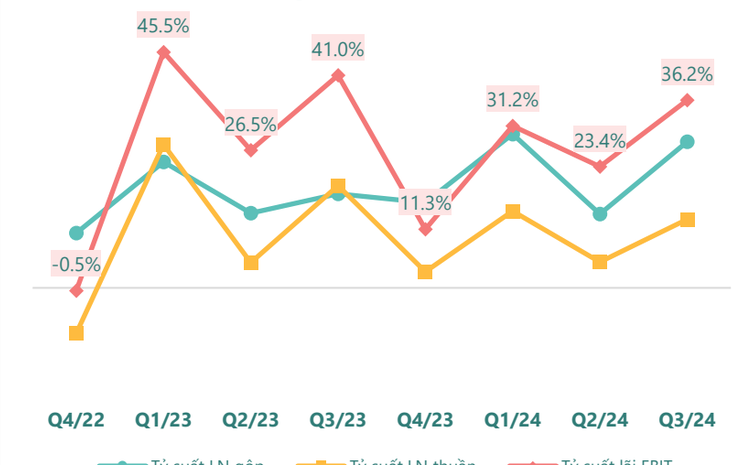
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



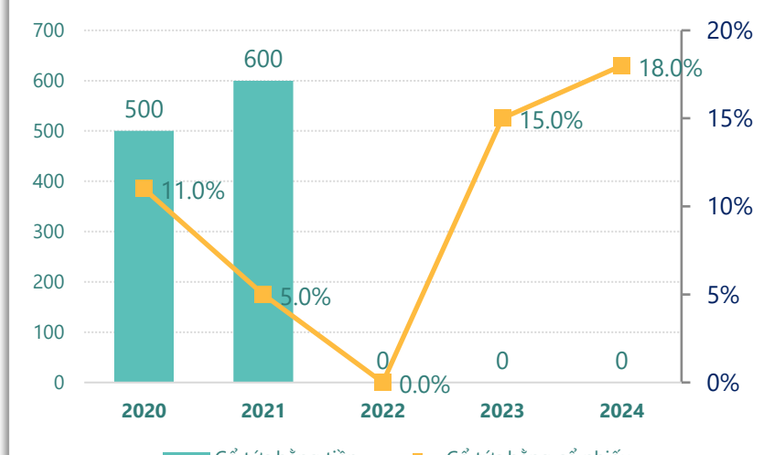
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

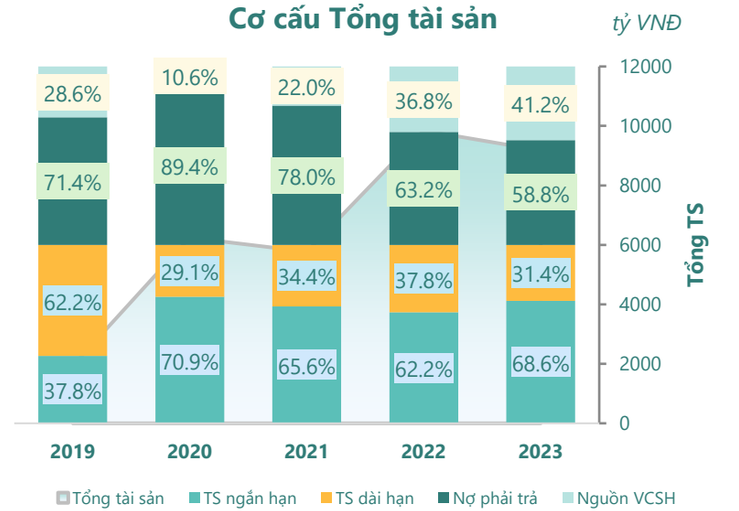
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

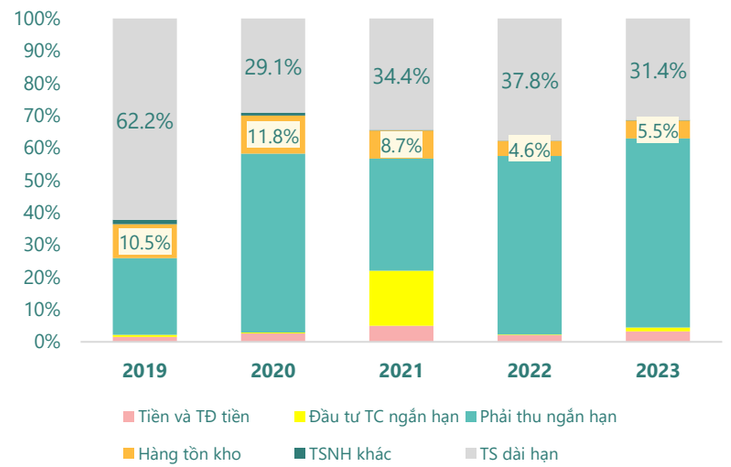
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



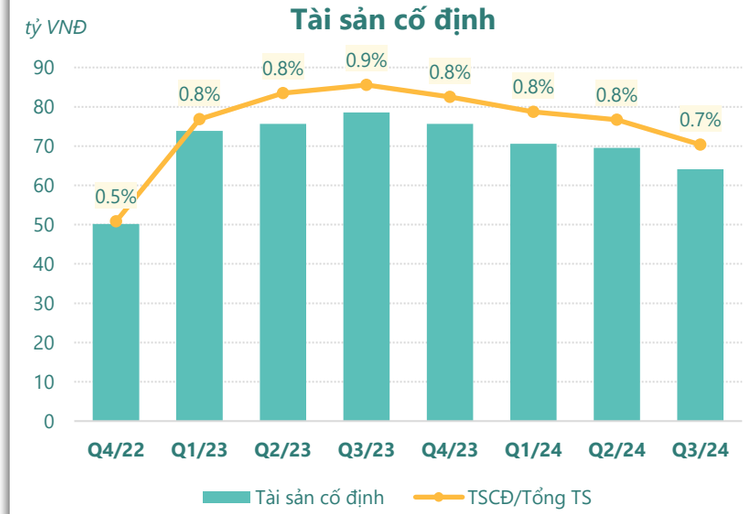
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



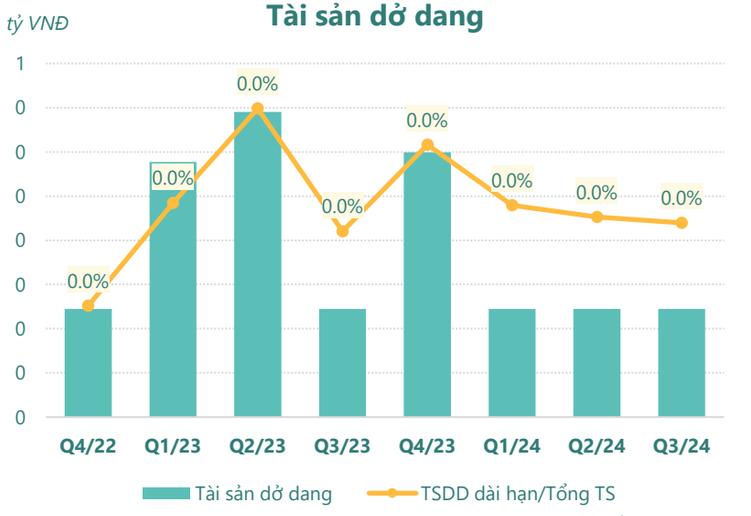
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



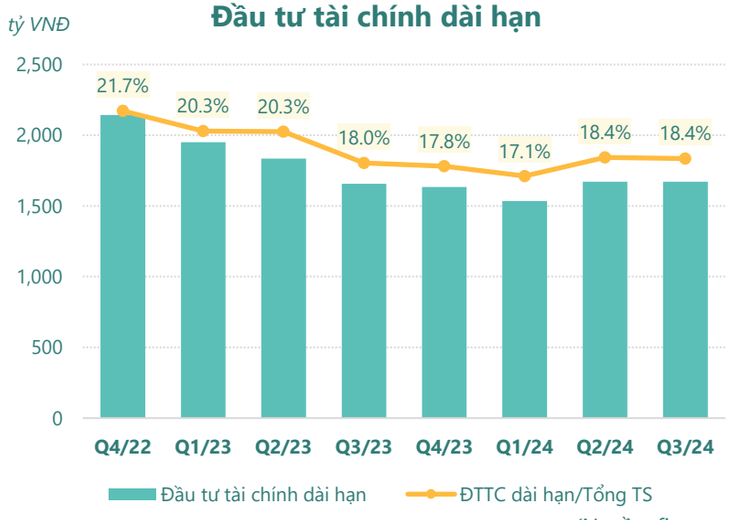
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



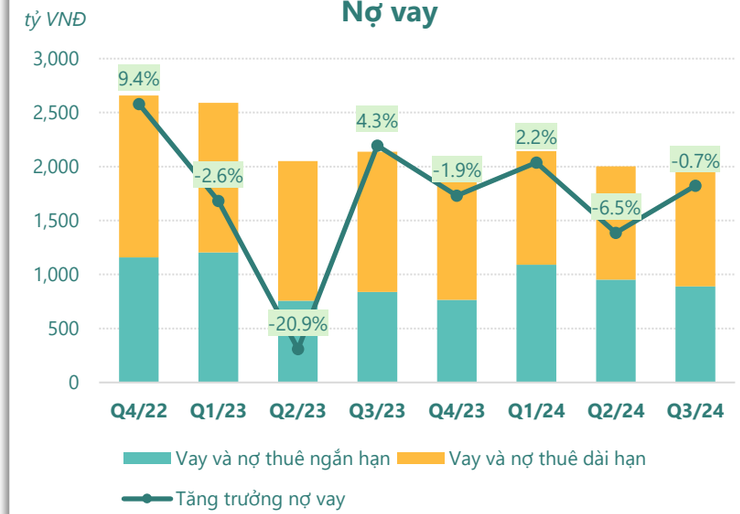
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

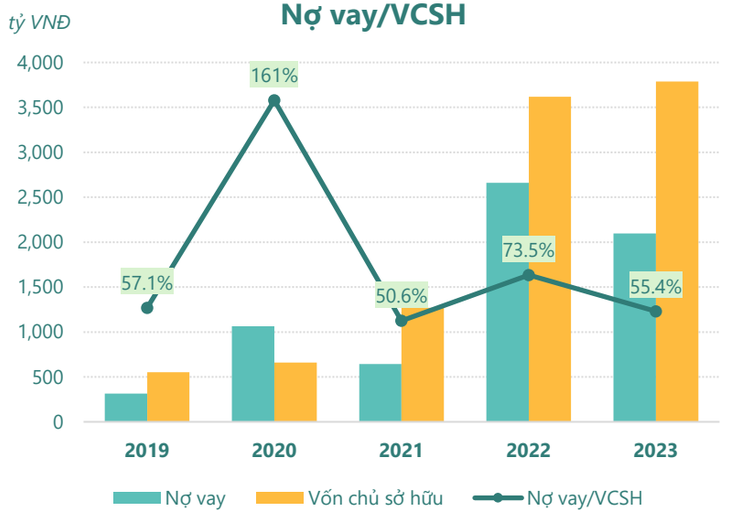
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

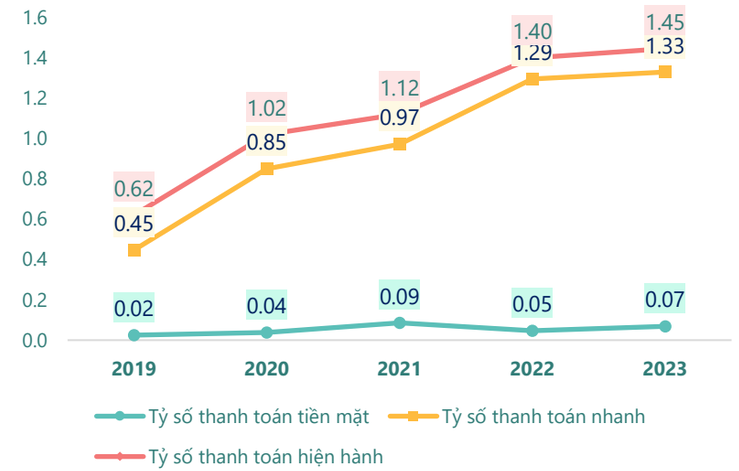
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



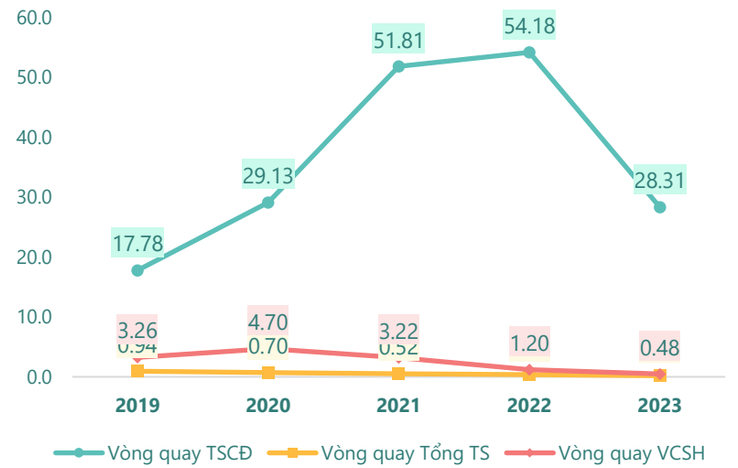
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



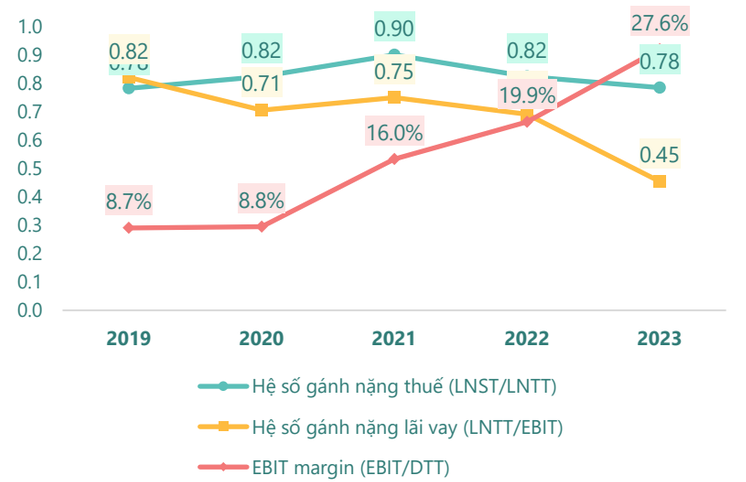
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



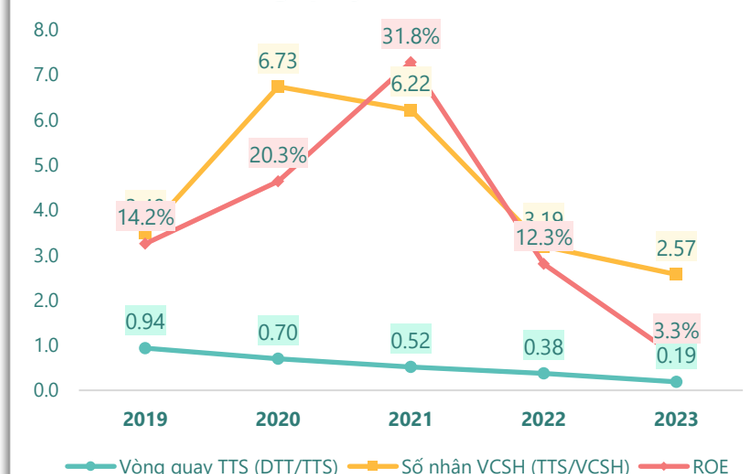
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



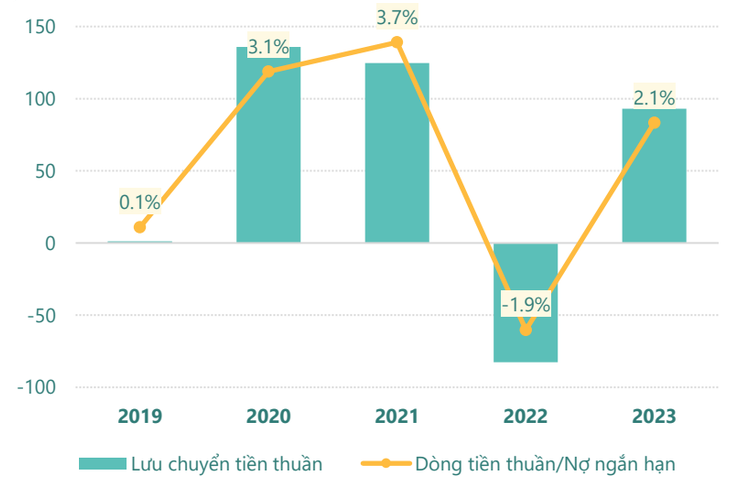
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**213**	**354**	**-39.8%**	**898**	**1,159**	**-22.5%**
Giá vốn hàng bán	153	290	-47.2%	703	948	-25.8%
Lợi nhuận gộp	60.1	64.2	-6.3%	195	211	-7.8%
Doanh thu HĐTC	65.8	149	-55.9%	218	389	-44.1%
Chi phí TC	49.0	89.9	-45.5%	181	265	-31.6%
Chi phí lãi vay	47.4	71.4	-33.6%	157	231	-31.8%
LN trong công ty LKLD	**-2.27**	**0.20**	**-1235%**	**-1.46**	**0.11**	**-1400%**
Chi phí bán hàng	15.1	15.8	-4.2%	53.3	59.9	-11.0%
Chi phí QLDN	**31.3**	**37.7**	**-16.9%**	**90.6**	**95.3**	**-4.9%**
LN thuần từ HĐKD	28.2	69.9	-59.7%	86.0	181	-52.4%
Lợi nhuận khác	**1.70**	**3.77**	**-54.9%**	**12.9**	**6.92**	**86.4%**
LN trước thuế	29.9	73.6	-59.4%	98.9	187	-47.3%
Lợi nhuận sau thuế	**21.9**	**58.2**	**-62.4%**	**76.1**	**146**	**-48.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.1**	**49.1**	**-79.3%**	**42.0**	**116**	**-63.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	398	-103	215	-282	127	-44.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	134	35.7	79.6	5.81	2.11	93.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-549	80.1	-77.9	45.0	-144	-14.7
Tiền đầu kỳ	87.3	70.7	83.6	300	69.0	53.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-16.7**	**13.0**	**217**	**-231**	**-15.5**	**34.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.00	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	70.7	83.6	300	69.0	53.5	88.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,111**	**9,181**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	6,023	6,302	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	88.1	300	-70.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.48	103	-97.6%
Phải thu ngắn hạn	5,414	5,373	0.8%
Hàng tồn kho	491	506	-2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	26.7	20.3	31.1%
Tài sản dài hạn	**3,088**	**2,879**	**7.2%**
Phải thu dài hạn	1,309	1,231	6.4%
Tài sản cố định	64.1	75.9	-15.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.44	0.48	-7.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,672	1,534	9.0%
Tài sản dài hạn khác	**42.6**	**38.1**	**11.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,265	5,394	-2.4%
Nợ ngắn hạn	**4,155**	**4,360**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	889	1,067	-16.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	588	773	-23.9%
Nợ dài hạn	1,111	1,034	7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,099	1,029	6.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,845**	**3,787**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**3,845**	**3,787**	**1.5%**
Vốn điều lệ	3,358	2,827	18.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)